

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày 31- 5- 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Dũng

2. Ông Lê Văn Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2022/TLST- DS ngày 17/10/2022 về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXX-ST ngày 19/04/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06 ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú TTCN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Hà Văn sinh năm 1976 (vắng mặt)

Chị Bùi Thị L , sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã BC huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị trình bày: Nhà chị H làm đại lý bán buôn và bán lẻ gạo, cám chăn nuôi.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 anh Hà Văn B sinh năm 1976 và chị Bùi Thị L , sinh năm 1978 ở thôn Tôm, xã Ban Công đã ra nhà chị Hương làm “Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi”.

“Tại Điều 3: Trong hợp đồng các bên thỏa thuận thời hạn Hợp đồng từ ngày 08/3/2022 đến 08 tháng 5 năm 2022 thanh toán một lần. Bên mua thanh toán tiền hàng thì bên bán có nghĩa vụ chứng nhận việc đã thanh toán. Nếu thanh toán chưa dứt điểm thì số tiền còn lại phải chịu lãi suất là 1,2 % một tháng”. Người ký bên bán là chị Nguyễn Thị H , người ký bên mua là anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L .

Hai bên giao hàng và thanh toán tiền có sổ theo dõi nhật ký bán hàng. Việc chị H giao hàng cho anh B có xác nhận của anh B hoặc chị L ký sổ. Mỗi lần bên mua trả tiền đều ký chốt nợ và sổ theo dõi giao hàng của chị H .

Ngày 28/7/2022 chốt nợ anh B và chị L còn nợ tiền bột của chị H là 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi chị H làm đơn khởi kiện thì anh B và chị L trả cho chị H 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) vào ngày 24/10/2022. Nay chị H yêu cầu anh B và chị L có trách nhiệm trả cho chị H 14.500.000đ (Mười Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi chốt nợ ngày 27/8/2022 thì anh B có 02 lần đến nhà chị H mua bột mỗi lần trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Anh B nói mua chiều trả tiền liền nên chị H không vào sổ ghi nợ cụ thể. Lần thứ nhất anh B mua 3.000.000đ(ba triệu) tiền bột lợn nói chiều đưa nhưng sáng hôm sau chị L mới cầm 3.000.000đ (ba triệu) lên đưa cho chị H . Lần thứ hai anh B cũng lấy 3.000.000đ (ba triệu) tiền bột nói mai đưa tiền, chị H không ghi sổ cho anh B ký nợ và chị H điện mấy hôm sau cũng không mang tiền lên nên chị H đã xuống nơi làm việc của chị L lấy 3.000.000đ(ba triệu). Khoản tiền bột mua nói trả ngay chị H không yêu cầu ký sổ nhận hàng.

Còn số bột đầu tư gia đình chị H cho người chở vào cho nhà anh B thì anh B và chị L phải ký sổ nợ và mỗi lần trả tiền đều ký nhận trong sổ của chị H .

Nay chị H yêu cầu anh B và Chị L trả số tiền bột còn nợ là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản tự khai của chị Bùi Thị L và anh Hà Văn B đều trình bày hai bên thỏa thuận và chốt nợ đến ngày 28/7/2022 anh B và chị L còn nợ tiền bột của chị H là 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau đó hai lần chị L trả cho chị H g 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) gồm một lần chị L mang tiền lên nhà trả cho chị H 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và một lần chị H xuống nơi làm việc của chị L lấy 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Như vậy anh B và chị L chỉ nợ chị H 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và ngày 24/10/2022 anh B trả cho chị H 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Như vậy tổng tiền anh B và chị L nợ chị H chỉ còn 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa: Chị H đề nghị Tòa án ghi nhận việc bị đơn đã tự nguyện trả số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) trước khi hòa giải và chị H chỉ yêu cầu chị L và anh B có trách nhiệm trả số tiền chưa thanh toán còn nợ lại là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa anh Hà Văn ăng mặt. Chị Bùi Thị L trình bày công nhận vợ chồng chị L còn nợ chị H 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Do kinh tế khó khăn nên xin chị H cho vợ chồng chị L trả làm ba lần cụ thể ngày 30/6/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và ngày 30/8/2023 trả 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H đồng ý cho vợ chồng chị L trả nợ khoản tiền hàng 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) ba lần cụ thể ngày 30/6/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và ngày 30/8/2023 trả 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc anh Hà Văn B - Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi”.

[3].1 Về nội dung vụ án: Các đương sự công nhận anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L có “Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi” với chị Nguyễn Thị H ngày 08/3/2022. Tổng số tiền mua hàng chốt nợ đến 28/7/2022 còn nợ chị H là 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày chốt nợ giữa hai bên là ngày 28/7/2022 và chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện, ngày 17/10/2022 Tòa án đã thụ lý vụ án. Như vậy việc khởi kiện của chị H trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của BLDS năm 2015.

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, ngày 24/10/2022 anh B và chị L trả cho chị H 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Số tiền hàng còn nợ là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và chị Bùi Thị L tự nguyện thỏa thuận: Vợ chồng chị L còn nợ khoản tiền hàng của chị Nguyễn Thị H là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị H và chị Bùi Thị L tự nguyện thỏa thuận chị L và anh B có trách nhiệm trả cho chị Hoàng cụ thể như sau: Ngày 30/6/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và ngày 30/8/2023 trả 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

HĐXX chấp công nhận ngày 24/10/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn nợ 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền bị đơn còn nợ là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị đơn anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền mua hàng còn nợ là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian trả nợ cụ thể như sau: Ngày 30/6/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và ngày 30/8/2023 trả 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H hoàn trả lại toàn bộ tạm ứng án phí cho chị H. Buộc anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án $14.500.000đ \times 5\% = 725.000đ$ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Số tiền bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn trước khi hòa giải được Tòa án ghi nhận và bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, Điều 92; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ áp dụng: Điều 429; Khoản 1 Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Công nhận việc anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L đã trả cho chị Nguyễn Thị H 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) vào ngày 24/10/2022.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H khoản tiền bị đơn còn nợ là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cụ thể như sau: Ngày 30/6/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và ngày 30/8/2023 trả 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Về án phí: Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị H là 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008644 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Buộc anh Hà Văn B và chị Bùi Thị L liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 14.500.000đ là 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị H và chị Bùi Thị L, vắng mặt anh Hà Văn B. Chị Nguyễn Thị H và chị Bùi Thị L được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hà Văn B được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn

Trần Thị Quyên